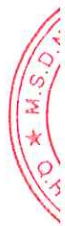


CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Kỳ kế toán từ ngày 01/04/2024 đến ngày 30/06/2024



Hà Nội, tháng 07 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

MỤC LỤC

| <u>NOI DUNG</u> | <u>TRANG</u> |
|---|---------------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC | 02-04 |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024 | |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT | 05-06 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT | 07-08 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT | 09 |
| BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT | 10-26 |

11/2024

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt,
Quận Hoàng Mai,

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vinam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty kỳ từ 01/04/2024 đến 30/06/2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vinam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102174005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 14 tháng 02 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 28 tháng 09 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

| | | |
|---------------------|------------|--------------------------|
| Ông Takishita Akira | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 27/06/2022 |
| Ông Lê Văn Tuấn | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 21/6/2022 |
| Ông Đặng Việt Thắng | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 21/6/2022 |

Ban Giám đốc

| | | |
|---------------------|----------|---------------------------|
| Ông Lê Văn Mạnh | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 16/9/2023 |
| Ông Đặng Việt Thắng | Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 16/9/2023 |

Kế toán trưởng của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này là:

| | | |
|---------------------|----------------|----------------------------|
| Ông: Phạm Xuân Lãng | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 13/02/2023 |
| Bà: Vũ Thị Ngọc | Kế toán trưởng | Miễn nhiệm ngày 13/02/2023 |

Ban Kiểm soát

| | | |
|----------------------|------------|-------------------------|
| Bà Nguyễn Thị Thương | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 21/6/2022 |
| Bà Ngô Thị Tâm | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 21/6/2022 |
| Bà Trần Thị Duyên | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 21/6/2022 |

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai,

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất Kỳ kế toán từ ngày 01/04/2024 đến ngày 30/06/2024 tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất Kỳ kế toán từ ngày 01/04/2024 đến ngày 30/06/2024 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ ngày 30 tháng 06 năm 2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính Kỳ kế toán từ ngày 01/04/2024 đến ngày 30/06/2024.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý Bảng cân đối kế toán Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm cho kỳ này, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CAM KẾT KHÁC

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt,
Quận Hoàng Mai,

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



Lê Văn Mạnh

Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 30/06/2024 | 01/01/2024 |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | 4 | 329 569 377 620 | 451 067 440 526 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | | 12 239 312 823 | 26 994 133 341 |
| 1 Tiền | 111 | | 12 239 312 823 | 6 994 133 341 |
| 2 Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | 20 000 000 000 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | 5 | 39 713 | 39 713 |
| 1 Chứng khoán kinh doanh | 121 | | 35 799 713 | 35 799 713 |
| 2 Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | (35 760 000) | (35 760 000) |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 265 656 839 785 | 378 672 730 104 |
| 1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 6 | 77 718 632 187 | 60 899 050 182 |
| 2 Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 7 | 162 641 548 543 | 317 431 673 023 |
| 6 Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 8 | 25 296 659 055 | 342 006 899 |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | 9 | 49 340 472 526 | 43 178 559 446 |
| 1 Hàng tồn kho | 141 | | 49 340 472 526 | 43 178 559 446 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 2 332 712 773 | 2 221 977 922 |
| 1 Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 13 | - | 65 680 982 |
| 2 Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 2 332 712 773 | 2 156 296 940 |
| 3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | 15 | - | - |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 109 471 606 190 | 27 706 502 708 |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 11 160 594 791 | 13 198 236 166 |
| 1 Tài sản cố định hữu hình | 221 | 11 | 7 695 594 804 | 8 167 569 510 |
| - Nguyên giá | 222 | | 9 557 465 579 | 9 557 465 579 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 223 | | (1 861 870 775) | (1 389 896 069) |
| 3 Tài sản cố định vô hình | 227 | 12 | 3 464 999 987 | 5 030 666 656 |
| - Nguyên giá | 228 | | 6 160 000 000 | 7 700 000 000 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 229 | | (2 695 000 013) | (2 669 333 344) |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | 10 | 12 917 200 616 | 12 917 200 616 |
| 2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | 12 917 200 616 | 12 917 200 616 |

| | | | | | |
|---|--|-------------|-----------|------------------------|------------------------|
| V. | Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 84 000 053 158 | - |
| 2 | Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | 84 000 053 158 | - |
| VI. | Tài sản dài hạn khác | 260 | | 1 393 757 625 | 1 591 065 926 |
| 1 | Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 13 | 1 393 757 625 | 1 591 065 926 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | | 270 | | 439 040 983 810 | 478 773 943 234 |
| C. | NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 34 757 994 329 | 74 140 651 302 |
| I. | Nợ ngắn hạn | 310 | | 34 757 994 329 | 74 140 651 302 |
| 1 | Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 14 | 18 044 394 524 | 32 975 626 874 |
| 2 | Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | - | - |
| 3 | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 15 | 96 603 741 | 197 330 304 |
| 4 | Phải trả người lao động | 314 | | 261 583 730 | 1 562 467 297 |
| 5 | Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | | 267 455 437 | 359 858 904 |
| 9 | Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 16 | 942 863 941 | 664 024 967 |
| 10 | Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | | 15 100 000 000 | 37 810 000 000 |
| - | <i>Các khoản đi vay ngắn hạn</i> | | | <i>15 100 000 000</i> | <i>37 810 000 000</i> |
| 11 | Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | 17 | - | 526 250 000 |
| 12 | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 45 092 956 | 45 092 956 |
| D. | VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 404 282 989 481 | 404 633 291 932 |
| I. | Vốn chủ sở hữu | 410 | 18 | 404 282 989 481 | 404 633 291 932 |
| 1 | Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 295 599 910 000 | 296 999 910 000 |
| - | <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i> | <i>411a</i> | | <i>295 599 910 000</i> | <i>296 999 910 000</i> |
| 2 | Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 18 918 962 963 | 18 918 962 963 |
| 8 | Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 195 900 595 | 195 900 595 |
| 11 | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 77 094 047 446 | 77 569 402 392 |
| - | <i>LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối kỳ trước</i> | <i>421a</i> | | <i>77 069 502 392</i> | <i>64 537 125 057</i> |
| - | <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i> | <i>421b</i> | | <i>24 545 054</i> | <i>13 032 277 335</i> |
| 13 | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | | 12 474 168 477 | 10 949 115 982 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400) | | 440 | | 439 040 983 810 | 478 773 943 234 |



Phạm Thị Bích Liên
Người lập
Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2024


Phạm Xuân Lăng
Kế Toán Trưởng




Lê Văn Mạnh
Giám Đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Từ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2024
đến ngày 30/06/2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01/04/2024 đến ngày 30/06/2024

| Chi tiêu | Mã số | Thuyết minh | Quý II/2024 | Quý II/2023 | Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 | Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 |
|--|-------|-------------|---------------|----------------|------------------------------|------------------------------|
| 1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 19 | 8 665 808 517 | 38 427 112 489 | 27 075 808 517 | 53 046 608 260 |
| 2 Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | 20 | - | - | - | 102 455 |
| 3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02) | 10 | | 8 665 808 517 | 38 427 112 489 | 27 075 808 517 | 53 046 505 805 |
| 4 Giá vốn hàng bán | 11 | 21 | 7 708 229 632 | 35 442 098 712 | 23 283 229 632 | 47 349 886 734 |
| 5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11) | 20 | | 957 578 885 | 2 985 013 777 | 3 792 578 885 | 5 696 619 071 |
| 6 Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 22 | 505 661 358 | 249 621 715 | 545 414 022 | 272 295 813 |
| 7 Chi phí tài chính | 22 | 23 | 1 076 119 209 | 470 513 407 | 1 726 170 686 | 580 508 241 |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 23 | | 1 076 119 209 | 379 604 316 | 1 726 170 686 | 489 599 150 |
| 8 Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24 | | 53 158 | 53 158 | 53 158 | - |
| 9 Chi phí bán hàng | 25 | 24 | 23 067 276 | 143 751 | 23 211 027 | 287 502 |
| 10 Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 25 | 842 380 849 | 2 536 364 876 | 2 560 874 135 | 4 815 238 290 |
| 11 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26) | 30 | | (478 273 933) | 227 613 458 | 27 790 217 | 572 880 851 |
| 12 Thu nhập khác | 31 | 26 | - | 2 426 280 | - | 2 426 280 |
| 13 Chi phí khác | 32 | 27 | 3 628 529 | 5 087 427 | 31 646 474 | 5 886 923 |
| 14 Lợi nhuận khác (40=31-32) | 40 | | (3 628 529) | (2 661 147) | (31 646 474) | (3 460 643) |
| 15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40) | 50 | | (481 902 462) | 224 952 311 | (3 856 257) | 569 420 208 |
| 16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 28 | - | 141 161 503 | 5 301 431 | 391 357 001 |
| 17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | 28 | - | - | - | - |
| 18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52) | 60 | | (481 902 462) | 83 790 808 | (9 157 688) | 178 063 207 |
| 19 Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ | 61 | | (455 675 545) | 128 473 810 | 24 545 054 | 240 103 072 |

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Quý II/2024 | Quý II/2023 | Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 | Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 |
|---|-------|-------------|--------------|--------------|------------------------------|------------------------------|
| 20 Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát | 62 | | (26 226 917) | (44 683 002) | (33 702 742) | (62 039 865) |
| 21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*) | 70 | 29 | (16) | | (0.31) | 8 |

[Handwritten signature]

Phạm Thị Bích Liên
Người lập

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2024



Phạm Xuân Lăng
Kế Toán Trưởng

Lê Văn Mạnh
Giám Đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
 (Theo phương pháp trực tiếp)

| Chỉ tiêu | Mã số | Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 | Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 |
|--|-----------|---------------------------------|---------------------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | 01 | 9 475 155 125 | 73 660 747 865 |
| <i>Doanh thu phát sinh trong kỳ (KQKD)</i> | | 9 475 155 125 | 73 660 747 865 |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ | 02 | (91 036 580 717) | (82 522 884 080) |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động | 03 | (2 722 584 131) | (2 811 246 963) |
| 4. Tiền lãi vay đã trả | 04 | (1 791 029 590) | (489 599 150) |
| 5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 05 | (35 000 000) | (1 140 682 775) |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 06 | 155 452 838 529 | 9 246 309 860 |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 07 | (12 737 619 734) | (1 332 122 665) |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i> | 20 | 56 605 179 482 | (5 389 477 908) |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | - | (9 131 364) |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | - | (83 000 000 000) |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | (86 500 000 000) | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | 56 850 000 000 | 4 800 000 000 |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | - | 1 505 374 477 |
| <i>Phải thu cổ tức, lợi nhuận cuối kỳ (TM phải thu khác)</i> | | - | - |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i> | 30 | (29 650 000 000) | (76 703 756 887) |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | 1 000 000 000 | 600 000 000 |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | 15 100 000 000 | 15 000 000 000 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (37 810 000 000) | - |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính (40=31+32+33+34+35)</i> | 40 | (21 710 000 000) | 15 600 000 000 |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</i> | 50 | 5 245 179 482 | (66 493 234 795) |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | 6 994 133 341 | 90 281 015 044 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | - | - |
| <i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</i> | 70 | 12 239 312 823 | 23 787 780 249 |

[Signature]

[Signature]



Phạm Thị Bích Liên
 Người lập
 Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2024

Phạm Xuân Lăng
 Kế Toán Trưởng

Lê Văn Mạnh
 Giám Đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2024
đến ngày 30/06/2024

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vinam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102174005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 14 tháng 02 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 28 tháng 09 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 296.999.910.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến 30/06/2024 là 296 999 910 000 VND; tương đương 29 699 991 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10 000 đồng.

Công ty đang được niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán CVN theo Công văn ngày 29/07/2010. Ngày giao dịch cổ phiếu CVN đầu tiên là 06/08/2010.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại 30/06/2024 là 07 người

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan

Chi tiết: - Lập hồ sơ dự thầu, phân tích, đánh giá hồ sơ dự thầu, thẩm tra thiết kế kỹ thuật, kỹ thuật thi công các dự án xây dựng bao gồm: dân dụng và công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước. - Lập, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo tiền khả thi và báo cáo đầu tư các dự án; - Lập, quản lý và tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng;

Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng

Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất

Chi tiết: - Dịch vụ môi giới, tư vấn, quản lý bất động sản - Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản;

Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh

Chi tiết: - Bán lẻ dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh;

Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông

Chi tiết: - Buôn bán hàng tạp phẩm, điện tử, tin học, thiết bị vật tư, phương tiện vận tải;

Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép

Chi tiết: Buôn bán hàng vải sợi may mặc;

CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Báo cáo tài chính hợp nhất
Kỳ kế toán từ ngày 01/04/2024 đến ngày 30/06/2024

Tầng 1, Lô BTS - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thông tin này là bộ phận hợp thành và cần được đọc với Báo cáo tài chính hợp nhất

Cấu trúc Công ty

Tổng số công ty con:

- Số lượng công ty con trực tiếp được hợp nhất: 05
- Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết tại ngày 30/06/2024 là : 05

| Tên Công ty | Nơi thành lập và hoạt động | Vốn điều lệ | VND | | Vốn thực góp tại 30/06/2024 | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ biểu quyết | Hoạt động kinh doanh chính |
|---|--|----------------|-----|----------------|-----------------------------|---------------|--|----------------------------|
| | | | VND | VND | | | | |
| - Công ty CP Công Nghệ Cao Y Tế và Môi Trường Hạ Long Tokyo (1) | Lô A15, Cụm Công nghiệp Nam Sơn, Xã Nam Sơn, Huyện Ba Chẽ, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam | 50 000 000 000 | | 49 940 000 000 | 99.98% | 99.98% | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chỉ tiết: - Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan; - Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan. | |
| - Công ty TNHH Vinam Sài Gòn (2) | Số 173 Cô Giang, Phường Cô Giang, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam | 47 868 000 000 | | 38 868 000 000 | 81.20% | 81.20% | Bán buôn khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), Khí thiên nhiên (CNG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), xăng, dầu lửa, dầu DO, dầu FO và các sản phẩm liên quan (không hoạt động tại trụ sở). | |
| Công ty CP Công nghệ cao G7 (3) | Khu Công Nghiệp Sông Hậu - Giai đoạn 1, Xã Đông Phú, H. Châu Thành, T. Hậu Giang, Việt Nam | 70 000 000 000 | | 68 600 000 000 | 98.00% | 98.00% | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đầu. | |
| - Công ty Cổ phần Phòng Khám Ba Đình (4) | Số 37A Dốc Phụ sân, đường Đê La Thành, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 5 000 000 000 | | 4 900 000 000 | 98.00% | 98.00% | Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa. | |

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Mai, Quận Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Kỳ kế toán từ ngày 01/04/2024 đến ngày 30/06/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

| | | | | | | |
|--|--|------------------------|------------------------|--------|--------|--|
| - Công ty Cổ phần Phòng Khám Nghệ An (5) | Số 22 Hồ Tổng Thốc xóm 15, xã nghi phú, TP Vinh, Nghệ An | 10 000 000 000 | 8 000 000 000 | 80.00% | 80.00% | Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa. |
| Cộng | | 182 868 000 000 | 170 308 000 000 | | | |

Danh sách các Công ty góp vốn liên doanh liên kết tại ngày 30/06/2023

| | | | | | | |
|--|---|----------------|----------------|--------|--------|---|
| - Công ty Cổ Phần Trung Tâm Xét Nghiệm Golab Pháp Vân (6) | Tầng 1 Lô BT5 - Ô số 17 Khu Đô Thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp - Phường Hoàng Mai - Quận Hoàng Mai - TP Hà Nội | 30 000 000 000 | 10 500 000 000 | 35.00% | 35.00% | Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa. |
| - Công ty Cổ Phần Famicare Pháp Vân (7) | Tầng 1 Lô BT5 - Ô số 18 Khu Đô Thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp - Phường Hoàng Mai - Quận Hoàng Mai - TP Hà Nội | 30 000 000 000 | 10 500 000 000 | 35.00% | 35.00% | Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch. |
| - Công ty Cổ Phần Trung Tâm Xét Nghiệm Golab Hưng Yên (8) | Số 588 Nguyễn Văn Linh, Phường Hiến Nam, TP Hưng Yên | 30 000 000 000 | 10 500 000 000 | 35.00% | 35.00% | Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa. |
| - Công ty Cổ Phần Trung Tâm Xét Nghiệm Golab Hải Dương (9) | Số 274 Nguyễn Lương Bằng, Thành phố Hải Dương | 30 000 000 000 | 10 500 000 000 | 35.00% | 35.00% | Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa. |
| - Công ty Cổ Phần Famicare Hưng Yên (10) | Số 588 Nguyễn Văn Linh, Phường Hiến Nam, TP Hưng Yên | 30 000 000 000 | 10 500 000 000 | 35.00% | 35.00% | Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa. |

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2024
đến ngày 30/06/2024

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính; Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập tuân thủ theo quy định của Thông tư 202/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

3 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công

Lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con

Trường hợp công ty mẹ sau khi thoái một phần vốn và mất quyền kiểm soát đối với công ty con, công ty con: Khoản lãi, lỗ ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định là chênh lệch giữa số thu từ việc thoái vốn và giá trị tài sản thuần chuyển nhượng cộng với số lợi thể thương mại được ghi giảm là toàn bộ số lợi thể thương mại còn chưa phân bổ.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2024
đến ngày 30/06/2024

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân

Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh

Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá

Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của

Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh, căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Từ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2024
đến ngày 30/06/2024

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng, công cụ dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2024
đến ngày 30/06/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc

Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa

như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch

Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt

Chi phí đi vay vốn;

Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự

phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Tầng 1, Lô BTS - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2024
đến ngày 30/06/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty

Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm chỉ diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam do đó Công ty

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;

Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | <u>30/06/2024</u> | <u>01/01/2024</u> |
|---------------------------------|-----------------------|----------------------|
| Tiền mặt | 12 114 602 087 | 6 563 294 359 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 124 710 736 | 430 838 982 |
| | <u>12 239 312 823</u> | <u>6 994 133 341</u> |

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

| | 30/06/2024 | 01/01/2024 |
|--|-----------------|-----------------|
| | <u>Giá trị</u> | <u>Giá trị</u> |
| | <u>Dư phòng</u> | <u>Dư phòng</u> |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Bệnh viện SARA (i) | 2 006 999 920 | 6 128 007 720 |
| Công ty Cổ phần trang thiết bị vật tư y tế Phương Nam | 263 268 823 | 1 796 932 593 |
| Công ty Cổ phần Omega Việt Nam | 269 422 000 | |
| Bệnh viện sản nhi Phú Thọ | 11 765 250 000 | |
| Công ty Cổ phần Sara Phú Thọ | 2 226 000 000 | |
| Công ty CP Medicare Ngã Bảy | 12 411 500 000 | 15 185 762 300 |
| KYOTO F&B Co., LTD | 16 023 000 000 | |
| Công ty cổ phần trung tâm xét nghiệm và môi trường cao thơ | 2 286 564 000 | 18 309 564 000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Kỹ thuật cao Cần | 2 036 777 444 | 5 072 285 369 |
| Công ty TNHH Thương mại AT & T | 5 405 400 000 | |
| Công ty TNHH Môi trường y tế Công nghệ Cao | - | 5 405 400 000 |
| Công ty TNHH Môi Trường Y Tế Kỹ Công Nghệ Cao Cần Thơ | 14 283 000 000 | |
| Công ty CP ứng dụng công nghệ cao Y Tế nha trang | 189 000 000 | |
| Công ty CP LKSX Việt Nam Nhật Bản | - | |
| Công ty cổ phần phòng khám hóa bình | 8 508 102 000 | 8 508 102 000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Lou | 44 348 000 | 492 996 200 |
| Các đối tượng khác | 77 718 632 187 | 60 899 050 182 |
| | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VA CAC CÔNG TY CON

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Kỳ kế toán từ ngày 01/04/2024 đến ngày 30/06/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

7 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | 31/03/2024 | | 01/01/2024 | |
|--|------------------------|----------|------------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Công ty CP Thực phẩm chế biến Nhật Phú Nguyên (1) | 17 363 378 543 | - | 17 363 378 543 | - |
| Công ty TNHH Công trình và Thiết bị Kỹ thuật Miền Nam (2) | - | - | - | - |
| Công ty Cổ phần Kanpeki Nhật Bản (3) | 20 586 200 000 | - | 34 500 000 000 | - |
| Công ty cổ phần đầu tư bệnh viện Sara | - | - | 39 000 000 000 | - |
| Công ty cổ phần Sara Việt Nam | 20 231 500 000 | - | - | - |
| Công ty TNHH Môi trường Y tế Công nghệ cao (4) | - | - | 37 500 000 000 | - |
| Công ty cổ phần trung tâm xét nghiệm và môi trường cần thơ | 2 493 000 000 | - | 17 485 000 000 | - |
| Công ty cổ phần đầu tư kỹ thuật cao cần thơ | - | - | 21 888 000 000 | - |
| Công ty TNHH Thiết bị Y Học Nhật (5) | - | - | 30 650 000 000 | - |
| Công ty CP đầu tư LOU | - | - | 17 000 000 000 | - |
| Công ty CP Đầu tư Thương mại Máy nông nghiệp Hòa Bình | 101 719 970 000 | - | 101 719 970 000 | - |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thiết bị Y tế Kiến Tạo | - | - | - | - |
| Trả trước các đối tượng khác | 247 500 000 | - | 325 324 480 | - |
| | 162 641 548 543 | - | 317 431 673 023 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhấtCho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2024
đến ngày 30/06/2024**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.***8 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

| | 30/06/2024 | 01/01/2024 |
|------------------|-----------------------|--------------------|
| Tạm ứng | | 80 846 400 |
| Đặt cọc tiền nhà | 22 000 000.00 | 15 000 000 |
| Cho mượn | | - |
| Các khoản chi hộ | | - |
| Phải thu khác | 25 274 659 055 | 246 160 499 |
| | 25 296 659 055 | 342 006 899 |

9 HÀNG TỒN KHO

| | 30/06/2024 | 01/01/2024 |
|------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Hàng mua đang đi đường | | |
| Nguyên liệu, vật liệu | | 58 867 815 |
| Công cụ, dụng cụ | | |
| Hàng hoá | 49 340 472 526 | 43 119 691 631 |
| | 49 340 472 526 | 43 178 559 446 |

10 TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

| | 30/06/2024 | 01/01/2024 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Mua sắm tài sản cố định | | |
| Hệ thống Pacs – Bệnh viện Đa khoa khu vực An Giang (i) | 2 845 162 035 | 2 845 162 035 |
| Hệ thống Pacs – Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tân Châu (ii) | 6 090 503 830 | 6 090 503 830 |
| Lắp đặt máy móc thiết bị Phòng Khám Thanh Sơn (iii) | | |
| Lắp đặt máy móc thiết bị Phòng Khám Ba Đình (iv) | 3 454 662 273 | 3 454 662 273 |
| Lắp đặt máy móc thiết bị Phòng Khám Nguyễn Thái Sơn (v) | | |
| Máy tiệt trùng thực phẩm RCS-120 | | |
| Mua sắm tài sản cố định khác | 526 872 478 | 526 872 478 |
| | 12 917 200 616 | 12 917 200 616 |

11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Máy móc thiết bị | Cộng |
|-------------------------------|------------------------|----------------------|
| Nguyên giá | | |
| Tại ngày 01/01/2024 | 9 557 465 579 | 12 767 422 606 |
| Mua sắm | | 612 886 269 |
| Giảm khác | - | (3 822 843 296) |
| Tại ngày 30/06/2024 | 9 557 465 579 | 9 557 465 579 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | |
| Tại ngày 01/01/2024 | (1 389 896 069) | 757 332 057 |
| Trích khấu hao | (471 974 706) | 943 949 412 |
| Giảm khác | - | (311 385 400) |
| Tại ngày 30/06/2024 | (1 861 870 775) | 1 389 896 069 |
| Giá trị còn lại | | |
| Tại ngày 01/01/2024 | | 12 010 090 549 |
| Tại ngày 30/06/2024 | 7 695 594 804 | 8 167 569 510 |

12 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

| | Phần mềm máy tính | Cộng |
|---------------------|----------------------|----------------------|
| Nguyên giá | | |
| Tại ngày 01/01/2024 | 6 160 000 000 | 9 240 000 000 |
| Tại ngày 30/06/2024 | 6 160 000 000 | 7 700 000 000 |

Giá trị hao mòn lũy kế

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.

| | | |
|------------------------|------------------------|----------------------|
| Tại ngày 01/01/2024 | 2 156 000 009 | 1 591 333 331 |
| Trích khấu hao | 539 000 004 | 1 078 000 013 |
| Tại ngày 30/06/2024 | (2 695 000 013) | 2 669 333 344 |
| Giá trị còn lại | | |
| Tại ngày 01/01/2024 | | 7 648 666 669 |
| Tại ngày 30/06/2024 | 3 464 999 987 | 5 030 666 656 |

13 TÀI SẢN NGẮN VÀ DÀI HẠN KHÁC

| | <u>30/06/2024</u> | <u>01/01/2024</u> |
|---|----------------------|----------------------|
| a) Chi phí trả trước ngắn hạn | | |
| Chi phí thuê văn phòng | 0 | 64032000 |
| Công cụ dụng cụ xuất dùng | | 0 |
| Chi phí đi vay | | 0 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác | | 1648982 |
| | - | 65 680 982 |
| b) Chi phí trả trước dài hạn | | |
| Chi phí thành lập doanh nghiệp | | - |
| Chi phí trước hoạt động/chi phí chuẩn bị sản xuất | | - |
| Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp | | - |
| Tiền thuê đất | 1 276 527 345 | 1 290 334 605 |
| Chi phí thuê nhà xưởng | | - |
| Chi phí tác quyền | | 109 080 154 |
| Công cụ dụng cụ xuất dùng | | - |
| Chi phí mua bảo hiểm | | - |
| Chi phí trả trước dài hạn khác | 117 230 280 | 191 651 167 |
| | 1 393 757 625 | 1 591 065 926 |

14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | <u>30/06/2024</u> | <u>01/01/2024</u> |
|--|-------------------|-------------------|
| | Giá trị | Giá trị |
| a) Phải trả người bán ngắn hạn | | |
| Công ty TNHH IVFTECH | 81 160 000 | 81 160 000 |
| Công ty TNHH Hãng kiểm toán và định giá ASCO | | - |
| Công ty TNHH Thương mại AT&T | | - |
| Công ty TNHH Thực phẩm chế biến Mitraco | | - |
| Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Cysina Việt Pháp | 59 576 000 | 1 254 956 000 |
| Công ty Cổ phần Đầu Tư Bệnh Viện Việt Mỹ | | 7 217 100 000 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.

| | | |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Công ty TNHH thiết bị y học nhật | 7 128 000 000 | |
| Công ty cổ phần Kanpeki | 90 423 421 | |
| Công ty CP sản xuất kinh doanh dược và trang thiết bị y tế Việt Mỹ | 10 000 000 000 | 19 471 000 000 |
| Công ty Cổ phần ME77 Việt Nam | 242 063 598 | |
| Công ty cổ phần Sara Việt Nam | 307 690 000 | 2 881 440 000 |
| JWB CO., LTD | | - |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán ASEAN | | - |
| Các đối tượng khác | 135 481 505 | 1 132 971 674 |
| | 18 044 394 524 | 32 038 627 674 |
| 15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC | | |
| 16 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC | | |
| | 30/06/2024 | 01/01/2024 |
| a) Phải trả ngắn hạn khác | | |
| Bảo hiểm xã hội | - | |
| Bảo hiểm y tế | | 6 782 443 |
| Bảo hiểm thất nghiệp | | |
| Phải trả về cổ phần hoá | | |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | | |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả | | 474 000 000 |
| Phải trả lãi vay | | |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 942 863 941 | 183 242 524 |
| | 942 863 941 | 664 024 967 |
| | 30/06/2024 | 01/01/2024 |
| 17 Dự phòng phải trả ngắn hạn | | |
| Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa | 526 250 000 | 526 250 000 |
| | 526 250 000 | 526 250 000 |
| | - | - |
| 18 VỐN CHỦ SỞ HỮU | | |
| e) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận | | |
| | 30/06/2024 | 01/01/2024 |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 296 999 910 000 | 296 999 910 000 |
| Vốn góp đầu kỳ | | |
| Vốn góp tăng trong kỳ | - | |
| Vốn góp giảm trong kỳ | - | |
| Vốn góp cuối kỳ này | 296 999 910 000 | 296 999 910 000 |
| d) Cổ phiếu | | |
| | 30/06/2024 | 01/01/2024 |
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 29 699 991 | 29 699 991 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 29 699 991 | 29 699 991 |
| Cổ phiếu phổ thông | 29 699 991 | 29 699 991 |
| Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu) | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ) | - | - |
| Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu) | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 29 699 991 | 29 699 991 |
| Cổ phiếu phổ thông | 29 699 991 | 29 699 991 |
| Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu) | - | - |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND) | 10 000 | 10 000 |
| e) Các quỹ công ty | | |
| | 31/03/2024 | 01/01/2024 |
| Quỹ đầu tư phát triển | 195 900 595 | 195 900 595 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.*

Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2024
đến ngày 30/06/2024

| | <u>195 900 595</u> | <u>195 900 595</u> |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | <u>Từ 01/04/2024</u> | <u>Từ 01/04/2023</u> |
| | <u>đến 30/06/2024</u> | <u>đến 30/06/2023</u> |
| 19 DOANH THU BAN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ | | |
| Doanh thu bán thành phẩm | | |
| Doanh thu bán hàng hóa | 8 665 808 517 | 38 427 112 489 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | | |
| | <u>8 665 808 517</u> | <u>38 427 112 489</u> |
| 20 CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU | | |
| Chiết khấu thương mại | | |
| Hàng bán bị trả lại | | - |
| Giảm giá hàng bán | | - |
| | <u>-</u> | <u>-</u> |
| 21 GIÁ VỐN HÀNG BÁN | | |
| Giá vốn của thành phẩm đã bán | | |
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | 7 708 229 632 | 35 442 098 712 |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | | |
| | <u>7 708 229 632</u> | <u>35 442 098 712</u> |
| 22 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | |
| Lãi tiền gửi, lãi cho vay | 505 661 358 | 249 621 715 |
| Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm | | |
| Lãi bán các khoản đầu tư | | - |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | | - |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm | | - |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm | | - |
| | <u>505 661 358</u> | <u>249 621 715</u> |
| 23 CHI PHÍ TÀI CHÍNH | | |
| | <u>Từ 01/04/2024</u> | <u>Từ 01/04/2023</u> |
| | <u>đến 30/06/2024</u> | <u>đến 30/06/2023</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.

| | | |
|---|---|---|
| Lãi tiền vay | 1 076 119 209 | 379 604 316 |
| Dự phòng tổn thất đầu tư | | |
| Chi phí tài chính khác | | 90 909 091 |
| | 1 076 119 209 | 470 513 407 |
| 24 CHI PHÍ BÁN HÀNG | | |
| | Từ 01/04/2024 đến 30/06/2024 | Từ 01/04/2023 đến 30/06/2023 |
| | - | - |
| 25 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP | | |
| | Từ 01/04/2024 đến 30/06/2024 | Từ 01/04/2023 đến 30/06/2023 |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ | | |
| Chi phí nhân công | 228 936 644 | 1 052 668 834 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 439 100 688 | 1 059 267 274 |
| Thuế, phí, lệ phí | - | 3 898 310 |
| Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng | - | - |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 139 402 308 | 399 640 817 |
| Chi phí khác bằng tiền | 34 941 209 | 20 889 640 |
| | 842 380 849 | 2 536 364 875 |
| | Từ 01/04/2024 đến 30/06/2024 | Từ 01/04/2023 đến 30/06/2023 |
| Thu nhập khác | - | 2 426 280 |
| | - | 2 426 280 |
| 27 CHI PHÍ KHÁC | | |
| | Từ 01/04/2024 đến 30/06/2024 | Từ 01/04/2023 đến 30/06/2023 |
| Chi phí khác | 3 628 529 | 5 087 427 |
| | 3 628 529 | 5 087 427 |
| 28 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH | | |
| | Từ 01/04/2024 đến 30/06/2024 | Từ 01/04/2023 đến 30/06/2023 |
| <i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i> | | |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | (481 902 462) | 224 952 311 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | 141 161 503 |
| 29 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU | | |
| Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các | | |
| | Từ 01/04/2024 đến 30/06/2024 | Từ 01/04/2023 đến 30/06/2023 |
| Lợi nhuận sau thuế | (481 902 462) | 83 790 808 |
| Các khoản điều chỉnh | - | - |
| <i>Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |
| <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế</i> | - | - |
| ... | - | - |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông | (481 902 462) | 83 790 808 |
| Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân kỳ này | 29 699 991 | 23 714 831 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | (16.00) | 4 |
| 22 SỐ LIỆU SO SÁNH | | |

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2024 là số liệu của ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán chuyển sang và số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Quý II/2024 do Công ty tự lập.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.



Phạm Thị Bích Liên

Người lập

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2024

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2024
đến ngày 30/06/2024



Phạm Xuân Lãng

Kế Toán Trưởng

Lê Văn Mạnh

Giám Đốc